VĂN PHÒNG - SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TÂY NINH

Biểu số 3

CHƯƠNG: 417

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III/2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/22017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN - QUÝ 3	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
I	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NS PHÍ, LỆ PHÍ**				
1	**Số thu phí, lệ phí**	**63,00**	**13,85**	**21,98**	**49,01**
1.1	Lệ phí cấp giấp phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	3,00	0,60	20,00	300,00
1.2	**Phí**	**60,00**	**13,25**	**22,08**	**47,22**
	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	40,00	10,25	25,63	78,48
	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	10,00	-	0,00	-100%
	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	10,00	3,00	30,00	60,00
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**47,00**	**4,78**	**10,17**	**76,60**
	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (85%)	34,00	4,78	14,06	76,60
	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ 50%	5,00		0,00	
	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (90%)	8,00		0,00	
2.1	***Chi sự nghiệp KHCN***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	***Chi quản lý hành chính***	***47,00***	**-**	**0,00**	**-**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	47,00		0,00	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**16,00**	**2,44**	**15,23**	**31,82**
	Lệ phí cấp giấp phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	3,00	0,60	20,00	300,00
	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	6,00	1,54	25,63	78,44
	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	5,00	0	0,00	-100%
	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	2,00	0,30	15,00	60,00
II	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**22.837,28**	**4.194,28**	**18,37**	**236,80**
1	**Chi quản lý hành chính**	**4.121,28**	**1.037,03**	**25,16**	**115,59**
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.514,00**	**716,41**	**20,39**	**82,46**
a	Quỹ lương	2.586,00	646,76	25,01	107,85
b	Chi hoạt động	928,00	69,66	7,51	25,88
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**390,497**	**136,725**	**35,01**	**482,34**
1.3	**Kinh phí trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi**	**137,317**	**137,317**	**100,00**	
1.4	**40% nguồn phí lệ phí để lại chi CC tiền lương**	**79,461**	**46,579**	**58,62**	
2	**Nghiên cứu khoa học**	**18.716,00**	**3.157,24**	**16,87**	**361,22**
2.1	**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ**	**18.716,00**	**3.157,24**	**16,87**	**361,22**
	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 102)	10.755,00	3.142,67	29,22	359,56
	10% trích tiết kiệm (Khoản 102)	285,00			
	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 103)	7.569,00	14,57	0,19	
	10% trích tiết kiệm (Khoản 103)	107,00			

*Tây Ninh, ngày **11** tháng **10** năm **2019***

KẾ TOÁN VP SỞ

VŨ THỊ MAI LUYÊN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Minh Hiệp